TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 4
PHIẾU SỐ 10

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số lớn nhất trong các số 4 467 719, 4 469 717, 4 467 729, 4 469 617 là:

A. 4 469 617 **B.** 4 467 729 **C.** 4 469 717 **D.** 4 467 719

Câu 2. Số lẻ lớn nhất có 5 chữ số khác nhau là:

A. 98 765 **B.** 99 999 **C.** 98 763 **D.** 98 766

Câu 3. Biểu thức nào có giá trị bằng (298 + 662) + 660?

A. 298 × 662 + 660 **B.** 298 + (662 + 660)

C. (298 + 662) × 660 **D.** 298 + 662 − 660

Câu 4. Tổng của hai số là 6850, hiệu của chúng là 918. Số lớn là:

A. 4802 **B.** 2966 **C.** 3884 **D.** 5932

Câu 5. Lý Công Uẩn dời đô ra Thăng Long vào năm 1010. Tính đến năm 2026 đã được bao nhiêu năm?

A. 1006 **B.** 1017 **C.** 1016 **D.** 1116

Câu 6. Lúc 1 giờ đúng, kim giờ và kim phút của đồng hồ tạo thành:

A. góc vuông **B.** góc tù **C.** góc nhọn **D.** góc bẹt

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho dãy số: 11, 17, 23, 29, ……, 233. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Dãy có …… số

b) Số thứ 29 của dãy là: ……

Bài 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) a + b × 5 với a = 5111, b = 725: ……

b) m − n + p với m = 59 999, n = 14 041, p = 3758: ……

c) (x + 2022) × 2 với x = 600: ……

Bài 3. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 7649 + 540 + 460 = ……

b) 4963 + 1496 − 963 = ……

c) 105 + 6160 + 95 = ……

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 6 tấn 13 kg = ……. kg

b) 8 tạ = ……. yến

c) 5 m^2 17 dm^2 = ……. dm^2

d) 3 phút 18 giây = ……. giây

Bài 5. Quan sát hình bên (góc vuông đã được đánh dấu) rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

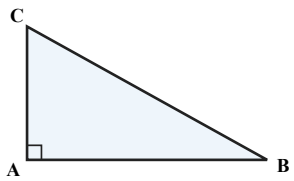

a) Số góc vuông: …….

b) Số góc nhọn: …….

c) Số góc tù: …….

Bài 6. Một trường tiểu học có 534 học sinh, số học sinh nữ ít hơn số học sinh nam 164 em. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

a) Học sinh nam: ……. em

b) Học sinh nữ: ……. em

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 4 · Phiếu số 10

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	A	B	C	C	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) $(233 - 11) : 6 + 1 = 38$ (số)

b) $11 + (29 - 1) \times 6 = 179$

Bài 2.

a) $5111 + 725 \times 5 = 5111 + 3625 = 8736$

b) $59\,999 - 14\,041 + 3758 = 45\,958 + 3758 = 49\,716$

c) $(600 + 2022) \times 2 = 2622 \times 2 = 5244$

Bài 3.

a) $7649 + (540 + 460) = 7649 + 1\,000 = 8649$

b) $(4963 - 963) + 1496 = 4000 + 1496 = 5496$

c) $(105 + 95) + 6160 = 200 + 6160 = 6360$

Bài 4.

a) $6000 + 13 = 6013$

b) 1 tạ = 10 yến: 80

c) $500 + 17 = 517$

d) $3 \times 60 + 18 = 198$

Bài 5.

Dùng ê ke kiểm tra các góc ở đỉnh của tam giác vuông ABC: 1 góc vuông, 2 góc nhọn, 0 góc tù.

Bài 6.

Học sinh nữ: $(534 - 164) : 2 = 185$ (em)

Học sinh nam: $185 + 164 = 349$ (em)